TÒA ÁN N DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN QUẬN D THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang Trung

Các Hội thẩm N dân:

Ông Phạm T Giản

Bà Phạm Thị Hằng

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng - Thư ký Toà án N dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát N dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Trà My- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án N dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2018/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2018/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T; nơi ĐKHKTT: Ngõ 64, đường U, khu P 1, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng, nơi sinh sống: Thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn T; nơi cư trú: Ngõ 64, đường U, khu P 1, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2018, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K (nay là phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N là do chị và anh T có nhiều bất đồng trong quan điểm sống. Anh T thường nghi ngờ, ghen tuông vô cớ và có lời lẽ xúc phạm chị. Cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, không hạnh phúc. Hai vợ chồng đã hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không thành. Chị và anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau về tình cảm và kinh tế. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Trần Văn N, sinh ngày 26/2/2004, hiện đang ở với anh T. Khi ly hôn, chị đề nghị giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi; vấn đề cấp dưỡng nuôi con, hai vợ chồng tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/9/2018, bị đơn là anh T trình bày: Anh không muốn ly hôn, việc nộp đơn ly hôn là do chị T tự quyết định, chị T tự giải quyết, anh không lên Tòa án để hòa giải.Về con chung: Anh đồng ý nhận nuôi con chung là Trần Văn N, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung của vợ chồng, anh không có yêu cầu gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương nơi chị T và anh T cư trú và gia đình chị T xác định: Hiện tại anh T vẫn cư trú tại khu P, phường Đ, quận D. Chị T và anh T xảy ra mâu thuẫn đã lâu, anh chị đã được hòa giải nhiều lần nhưng không hòa thuận được. Hiện tại chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo đã tiến hành hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt nên không hòa giải được. Tòa án đã mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử vào ngày 30/10/2018 nhưng anh T vắng mặt. Tòa án đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 14/11/2018.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn anh T. Về con chung, chị đề nghị giao con chung cho anh T nuôi; vấn đề cấp dưỡng nuôi con, hai vợ chồng tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát N dân quận D thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của

người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn N, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Trần Văn T; về con chung, giao cho anh T trực tiếp nuôi con chung là Trần Văn N, sinh ngày 26/02/2004; vấn đề cấp dưỡng nuôi con,vợ chồng tự thỏa thuận. Về tài sản chung vợ chồng, chị T và anh T không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Chị Phạm Thị T có đơn đề nghị Tòa án N dân quận D giải quyết ly hôn với anh Trần Văn T cư trú tại phường Đ, quận D, Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Do các đương sự không thống nhất về việc giải quyết vụ án, không hòa giải được nên Tòa án nhân dân quận D đã đưa vụ án ra xét xử. Anh Trần Văn T đã được Tòa án nhân dân quận D đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Do đó, Tòa án đã hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 14/11/2018 và tống đạt hợp lệ cho anh T nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo thủ tục chung.

- *Về quan hệ hôn nhân:*

[3] Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật hôn N và gia đình. Đây là quan hệ hôn N hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[4] Quá trình chung sống, chị T và anh T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N do chị T và anh T có nhiều bất đồng trong quan điểm sống; không tin tưởng nhau, anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được. Hiện tại chị T và anh T đã sống ly thân, không còn sự quan tâm tới nhau về tình cảm và kinh tế. Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành hòa giải hai lần nhưng anh T đều vắng mặt nên không hòa giải được. Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn N và Gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ*

thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác". Như vậy, có thể thấy, quan hệ hôn N giữa chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

- *Về con chung:*

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, con chung là Trần Văn N hiện tại đang ăn ở sinh hoạt với anh T, đảm bảo về vật chất và tinh thần cho cháu. Quá trình giải quyết vụ án, chị T cũng có đề nghị giao con cho anh T nuôi, anh T đồng ý. Yêu cầu của chị T về việc giao con chung cho anh T nuôi là phù hợp với thực tế, nguyện vọng của con chung và đảm bảo quyền lợi ích của con chung nên được chấp nhận. Giao con chung là cháu Trần Văn N, sinh ngày 26/02/2004 cho anh T tiếp tục nuôi con theo quy định tại các điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn N và Gia đình; vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do chị T và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung:*

[6] Chị T và anh T không yêu cầu nên không giải quyết.

- *Về án phí*

[7] Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- *Về quyền kháng cáo:*

[8] Chị T và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh T trực tiếp nuôi con chung Trần Văn N, sinh ngày 26/02/2004 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 14423 ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận D, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận D;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND phường Đ, quận D, HP (số ĐKKH: 64/2002);
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Quang Trung